

Unit 3. What day is it today? (Part 1)

I. Structure - Cấu trúc

1. Hôm nay là thứ mấy?

• what • day • today	• gì, cái gì • thứ, ngày • hôm nay
• What day is it today? → It's + (thứ). It's = It is	• Hôm nay thứ mấy? → Hôm nay thứ
• What day is it today? → It's Monday.	• Hôm nay là thứ mấy? → Hôm nay là thứ Hai.

2. Làm gì vào.....?

- **S - Subject - Chủ ngữ**

Chủ ngữ là người hoặc vật được mô tả hoặc thực hiện hành động.

Chủ ngữ (S) có thể là: I, we, you, they, he, she, it, (danh từ).

- **V - Verb - Động từ**

Động từ biểu thị hành động hoặc trạng thái của chủ ngữ.

Động từ luôn đứng sau chủ ngữ.

- **do/does, don't/doesn't - Trợ động từ.**

Trợ động từ là từ dùng để hỗ trợ cho động từ về mặt ý nghĩa hoặc ngữ pháp.

- Trợ động từ đứng trước động từ trong câu khẳng định và câu phủ định.

- Trợ động từ đứng trước chủ ngữ trong câu nghi vấn.

☐ Câu khẳng định (+): Câu khẳng định là câu mà cho chúng ta biết rằng sự vật, sự việc đó là như thế.

☐ Câu phủ định (-): Câu phủ định là câu mà cho chúng ta biết rằng sự vật, sự việc đó không phải là như thế.

☐ Câu nghi vấn (?): Câu nghi vấn là câu dùng để hỏi về một điều mà chúng ta chưa biết.

- (YN?): Câu hỏi Yes/No.

- (Wh?): Câu hỏi có từ để hỏi (Who/Whom, What, Which, When, Where, Why, How)

***Cách sử dụng 'in/on/at' với thời gian:**

• <i>in</i> + (năm / tháng / buổi trong ngày trừ 'night') - in 2021 - in May - in the morning - in the afternoon - in the evening • <i>on</i> + (thứ) - on Mondays - on Monday mornings - on Monday afternoons - on Monday evenings • <i>at</i> + (giờ cụ thể / ban đêm) - at 7 a.m. - at 7 p.m. - at the moment - at night	- vào năm 2021 - vào tháng Năm - vào buổi sáng - vào buổi chiều - vào buổi tối - vào thứ Hai hàng tuần - vào sáng thứ Hai hàng tuần - vào chiều thứ Hai hàng tuần - vào tối thứ Hai hàng tuần - vào 7 giờ sáng - vào 7 giờ tối - vào lúc này - vào ban đêm
• at the weekend (Anh-Anh) • on the weekend (Anh-Mỹ)	• vào cuối tuần

(+)	• S + V/V_(es/s) + in/on/at S (I, you, we, they) => V S (he, she, it) => V_(es/s) - I go swimming on Sundays. - He goes swimming on Sundays.	• Làm gì đó vào.... - Tôi đi bơi vào Chủ Nhật hàng tuần. - Anh ấy đi bơi vào Chủ Nhật hàng tuần.
(-)	• S + don't/doesn't + V + in/on/at... S: I, you, we, they => don't S: he, she, it => doesn't - I don't go swimming on Sundays. - He doesn't go swimming on Sundays.	• Không làm gì đó vào... - Tôi không đi bơi vào thứ Chủ Nhật hàng tuần. - Anh ấy không đi bơi vào Chủ Nhật hàng tuần.
(YN?)	• Do/Does + S + V in/on/at? → Yes, S + do/does. → No, S + don't/doesn't. S: I, you, we, they => do, don't S: he, she, it => does, doesn't	• Có làm gì đó vào...không? → Có. → Không.

	- Do you go swimming on Sundays? → Yes, I do. → No, I don't. - Does he go swimming on Sundays? → Yes, he does. → No, he doesn't.	- Bạn có đi bơi vào Chủ Nhật hàng tuần không? → Có. → Không. - Anh ấy có đi bơi vào Chủ Nhật hàng tuần không? → Có. → Không.
What?	• What + do/does + S + do + in/on/at? → S + V/V_(es/s) + in/on/at... - S: I, you, we, they => do, V - S: he, she, it => does, V_(es/s) - What do you do on Sundays? → I go swimming. - What does he do on Sundays? → He goes swimming.	• Làm gì vào...? → Làm gì đó vào.... - Bạn làm gì vào Chủ Nhật? → Tôi đi bơi. - Anh ấy làm gì vào Chủ Nhật? → Anh ấy đi bơi.